

Nam Định, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số: 634/QĐ-CQLTT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3109/QĐ-TCQLTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT;
- Lưu VT, TCHC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lê Ngọc An

Đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định

Biểu số 2

Chương: 016



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-CQLTT ngày 31/12/2021 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định)

Đvt: triệu đồng

| TT | Nội dung | Trong đó | |
|-----------|---|----------|----------------------------------|
| | | Tổng số | Trong đó: TK 10% CC TLương |
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | | |
| | Học phí, lệ phí | | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại | | |
| | Học phí, lệ phí | | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước. Trong đó: | 12.946 | |
| 1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 11.859 | |
| 2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 1.087 | |
| 3 | Kinh phí nghiên cứu KHCN | 0 | |
| | Chi tiết theo loại chi | | |
| | Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341 | 12.946 | |
| 1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 11.859 | |
| | Tổng quỹ lương công chức và định mức chi QLHC năm 2022 | 11.592 | |
| | Lương lao động hợp đồng | 267 | |
| 2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, trong đó: | | |
| | Mua sắm tài sản cố định | 0 | |
| | Kinh phí thuê trụ sở làm việc, kho hàng | 88 | |
| | Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất | 0 | |
| | Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính (bao gồm chi mua sắm, thuê trang thiết bị phục vụ cho công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính) | 999 | |
| | Kinh phí hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả | | |
| | Ban chỉ đạo 389 ngành | | |
| | Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế | 0 | |